

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2020
V/v trẢ chấp xin ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lâm Tới;
- Ông Ngô Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXX-ST ngày 28/10/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 13/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1998. Địa chỉ, nơi cư trú: ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Bị đơn: anh Lê Tuấn A, sinh năm 1991. Địa chỉ, cư trú: ấp P, xã A1, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy O trình bày:

- Về hôn nhân: chị O và anh Tuấn A quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1, huyện T và được cấp Giấy kết hôn số 50/TLKH-BS, ngày 23/01/2017.

Sau khi kết hôn chị và anh Tuấn A cùng nhau đi làm Công nhân tại tỉnh Bình Dương, Cuộc sống chung của vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2018 sinh được một đứa con chung. Vào khoảng tháng 02 năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Tuấn A không lo làm ăn, không chăm lo vợ con, chỉ thích ăn chơi, ngoài ra còn chơi cờ bạc gây nợ nần, chị đã cố chịu đựng, nhiều lần khuyên anh Tuấn A nhưng anh không nghe, tính nết tệ nấy, không chịu sửa đổi. Chị và anh Tuấn A đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, tháng 04 năm 2020 chị và anh Tuấn A không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O yêu cầu ly hôn với anh Tuấn A.

- Về con chung: chị và anh Tuấn A có một đứa con chung tên Lê Tuấn D, sinh ngày 19/8/2018. Khi ly hôn, chị O yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: chị O khai không có.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Tuấn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị O có mặt, bị đơn anh Lê Tuấn A vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 13/11/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vắng mặt và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa

và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: nhận thấy hôn nhân giữa chị O và anh Tuấn A là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, đã sống ly thân nhau từ tháng 04 năm 2020 đến nay. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị O xin được ly hôn với anh Tuấn A.

+ Về con chung: chị O và anh Tuấn A có một đứa con chung tên Lê Tuấn D, sinh ngày 19/8/2018, hiện do chị O đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị O xin quyền nuôi con, con chung dưới 36 tháng tuổi, về nguyên tắc giao cho người mẹ trực tiếp nuôi con là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho chị O nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: chị O là người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên và có yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Anh Tuấn A là người không trực tiếp nuôi con, do đó có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy O vắng mặt (có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt); bị đơn anh Lê Tuấn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị O và anh Tuấn A được xác lập vào năm 2017, trong thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh Tuấn A được xác lập vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 8; Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thì tình trạng hôn nhân của chị O và anh Tuấn A có phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 04 năm 2020 vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ chồng không còn qua lại với nhau; Điều này cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị Thúy O và anh Lê Tuấn A có một đứa con chung tên Lê Tuấn D, sinh ngày 19/8/2018, do chị O đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị O yêu cầu quyền nuôi con sau khi ly hôn, anh Tuấn A không có ý kiến gì. Nhận thấy, chị O là người trực tiếp nuôi con dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung chưa thành niên, ổn định môi trường sống của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Tuấn Duy cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị O cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Tuấn A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O là người trực tiếp nuôi con, có yêu cầu anh Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con đến khi thành niên (18 tuổi), do đó anh Lê Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Tuấn D hàng tháng bằng nửa tháng lương cơ bản là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Lê Tuấn D đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 11 năm 2020.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Lê Tuấn A không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không xem xét.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thúy O là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 92, Điều 116, Điều 117, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy O được ly hôn anh Lê Tuấn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 50/TLKH-BS, ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy O được quyền nuôi con chung tên Lê Tuấn D, sinh ngày 19/08/2018.

Chị Nguyễn Thị Thúy O cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Tuấn A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Lê Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Tuấn D hàng tháng là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Lê Tuấn Duy đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình (trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật), thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 11 năm 2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không trả toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất chậm trả toán theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thúy O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0009497 ngày 27 tháng 07 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Anh Lê Tuấn A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Tòa án tỉnh;
- UBND xã/thị trấn
nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu Vp, Hs.

Châu Nam Phú

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tỉnh Biên, ngày 30 tháng 11 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờphút, ngày 30 tháng 11 năm 2020,

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Lâm Tới ;

2. Ngô Văn Cường.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 về “Xin ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1998. Địa chỉ, nơi cư trú: ấp An Biên, xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Bị đơn: A Lê Tuấn A, sinh năm 1991. Địa chỉ, cư trú: ấp Phú Cường, xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về quan hệ pháp luật: “*TrA chấp ly hôn*”: Biểu quyết 3/3

- Về áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

- Về nội dung vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy O.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thúy O được ly hôn A Lê Tuấn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 50/TLKH-BS, ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy O được quyền nuôi con chung tên Lê Tuấn Duy, sinh ngày 19/8/2018.

A Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thúy O cùng các thành viên gia đình không được cản trở A Lê Tuấn A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Biểu quyết 3/3

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thúy O phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0009497 ngày 27 tháng 07 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Biểu quyết 3/3

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Biểu quyết 3/3

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút, ngày 30 tháng 11 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nam Phú